

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-7-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Phước

Ông Trịnh Sâm Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 337/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 55/1 T, phường 1, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Bùi Tuấn K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông K tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, quận G, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 ngày 13/01/2014.

Từ khi kết hôn đến nay chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm sống trong cách chăm sóc gia đình, chăm sóc con cái. Tôi và ông K đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Đến nay tôi nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không

thể kéo dài. Tôi đã không còn tình cảm với ông K, hai người đã sống ly thân; nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Bùi Tuấn K.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Bùi Lê H, sinh ngày 12/8/2014. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Bùi Tuấn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông K đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Bùi Tuấn K.

+ Về con chung: Giao con chung Bùi Lê H, sinh ngày 12/8/2014 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà Thu phải chịu án phí theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Tuấn K được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thu và ông K.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và bị đơn ông Bùi Tuấn K tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND Phường 1, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 ngày 13/01/2014. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Tuấn K là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông K là trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống; hai người đã sống ly thân. Bà Thu xác định không còn tình cảm với ông K và yêu cầu xin ly hôn với ông K.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (xã L, huyện Long Thành) về việc cư trú của ông K và tình trạng hôn nhân của bà Thu, ông K, kết quả như sau: Ông Bùi Tuấn K đang sinh sống tại nhà mẹ ruột thuộc ấp xóm Gò – Bà Ký, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ông K thường xuyên đi làm tại Tp. Hồ Chí Minh. Về mâu thuẫn vợ chồng bà Thu, ông K thì địa phương không rõ. Hiện nay bà Thu và ông K đã ly thân và không còn chung sống với nhau.

Bị đơn ông Bùi Tuấn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông K đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông K không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà Thu nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông K không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Thu và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc xin ly hôn với ông Bùi Tuấn K.

### [3.2] Về con chung:

Bà Thu và ông K có 01 con chung là Bùi Lê H, sinh ngày 12/8/2014. Theo lời khai của bà Thu và xác nhận của chính quyền địa phương thì hiện nay bà Thu đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu Bùi Lê H có nguyện vọng được sống với bà Thu.

Ông Bùi Tuấn K không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông K không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy có cơ sở để giao con chung cho bà Thu nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu Bùi Lê H cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thu không yêu cầu, nên tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thu xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Mặt khác do chưa có lời khai của ông Bùi Tuấn K, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Bùi Tuấn K.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Lê H, sinh ngày 12/8/2014 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông Bùi Tuấn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Tuấn K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Thu đã nộp, theo Biên lai thu số 0005594 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà Thu phải chịu. Bà Thu đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Hội thẩm nhân dân                      Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Phước**

**Trịnh Sâm Châu**

**Phạm Ngọc Quyền**



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**



